

Phụ lục: Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 35/2021/NĐ-CP

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 2	“b) Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.”	Một số bộ ngành, địa phương kiến nghị không nên quy định tổng mức đầu tư tối thiểu là 1.500 tỷ đồng đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải; bởi thực tiễn ở một số địa phương, các dự án xây dựng công trình giao thông có quy mô tổng mức đầu tư thấp hơn vẫn có khả năng kêu gọi đầu tư PPP. Việc sửa đổi quy định này nhằm tạo cơ hội thu hút nguồn lực tư nhân vào các dự án có quy mô vừa và nhỏ, đặc biệt là các dự án giao thông đường bộ tại các địa phương.
2.a	Sửa đổi khoản 1 Điều 24	“1. <i>Đơn vị chuẩn bị dự án PPP</i> lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật PPP và Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.”	Xác định rõ chủ thể có nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật PPP.
2.b	Sửa đổi khoản 3 Điều 24	“3. <i>Hội đồng thẩm định các cấp hoặc đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP</i> lập báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.”	Xác định rõ chủ thể có nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi khi Điều 20 Luật PPP chưa quy định cụ thể nội dung này.
3	Bổ sung khoản 4 Điều 27	“4. <i>Đối với dự án thực hiện trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương được thống nhất giao làm cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 của Nghị</i>	Nghị định 35/2021/NĐ-CP hiện hành (khoản 4 Điều 21) chỉ quy định việc giao địa phương làm cơ quan có thẩm quyền trong việc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
		<i>định này quyết định phê duyệt dự án PPP.”</i>	lên, chưa có quy định cụ thể về thẩm quyền phê duyệt dự án PPP đối với trường hợp dự án này.
4.a	Sửa đổi khoản 2 Điều 28	<p>“2. Việc giao cho nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư. Văn bản thỏa thuận bao gồm nội dung về mục đích; yêu cầu; <i>tên cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập; chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi; chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm tra và nguyên tắc xử lý trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) Trường hợp báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt hoặc <i>nhà đầu tư không được lựa chọn để</i> thực hiện dự án, nhà đầu tư chịu mọi rủi ro, chi phí;</p> <p>b) Trường hợp sau khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ do nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả cho nhà đầu tư đề xuất.”</p>	Quy định cụ thể về cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập và thỏa thuận về chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi của nhà đầu tư.
4.b	Sửa đổi khoản 3 Điều 28	<p>“3. Báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư tổ chức lập được thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 của Luật PPP, khoản 3 Điều 24 và Điều 26 của Nghị định này. <i>Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập thực hiện thủ tục trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và trình phê duyệt dự án PPP.”</i></p>	Quy định cụ thể về cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập và trình phê duyệt dự án PPP.

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
5.a	Sửa đổi khoản 2 Điều 33	<p>“2. Cá nhân tham gia tổ chuyên gia phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có <i>chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu</i> theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn liên quan đến dự án;</p> <p>c) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của dự án;</p> <p>d) Am hiểu các nội dung cụ thể tương ứng của dự án;</p> <p>đ) Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến dự án.”</p>	Sửa đổi yêu cầu phải có “chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu” thành “chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu” theo quy định mới của Luật Đấu thầu năm 2023.
5.b	Sửa đổi khoản 3 Điều 33	<p>“3. Trường hợp cần có sự tham gia của các chuyên gia chuyên ngành thì không yêu cầu các chuyên gia này phải có <i>chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu</i> theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”</p>	Sửa đổi thuật ngữ “chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu” thành “chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu” theo quy định mới của Luật Đấu thầu năm 2023.
6	Bổ sung khoản 3 Điều 35	<p>“3. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, trong trường hợp tổng mức đầu tư dự án bao gồm cả chi phí nộp ngân sách nhà nước, sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, nhà đầu tư được hoàn trả hoặc giải tỏa phần bảo đảm thực hiện hợp đồng với tỷ lệ tương ứng phần tiền nộp vào ngân sách nhà nước. Phần bảo đảm thực hiện hợp đồng còn lại được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng.”</p>	Trong dự án loại hợp đồng O&M, tổng mức đầu tư có thể bao gồm giá trị phần nộp ngân sách nhà nước. Giá trị này thường rất lớn vì được xác định tương ứng với giá trị công trình, cơ sở hạ tầng sẵn có, cũng như thời hạn hợp đồng O&M. Để giảm gánh nặng về tài chính cho nhà đầu tư khi đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của hồ sơ mời thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư được khấu trừ phần giá trị tương ứng với khoản nộp ngân sách nhà nước này.

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
7.a	Sửa đổi khoản 1 Điều 49	<p>“1. Hồ sơ mời thầu được phê duyệt căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu sau đây:</p> <p>a) Quyết định phê duyệt dự án PPP, trừ dự án quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>b) Kết quả sơ tuyển đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển;</p> <p>c) Kết quả đàm phán, trao đổi về nội dung hồ sơ mời thầu đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP;</p> <p>d) Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và kết quả đàm phán với nhà đầu tư đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP;</p> <p>đ) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP (đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP và các tài liệu liên quan;</p> <p>e) Các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước có liên quan.</p> <p>Trường hợp cần thiết, căn cứ yêu cầu thực tế của dự án, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc lập hồ sơ mời thầu đồng thời với thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế tính cạnh tranh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, không hạn chế quyền thay đổi hoặc tự thực hiện thiết kế sau thiết kế cơ sở của nhà đầu tư và không làm kéo dài thời gian thực hiện dự án.”</p>	<p>Nhằm linh hoạt và tiết kiệm thời gian trong lập hồ sơ mời thầu dự án PPP đồng thời với lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán đối với tiểu dự án trong dự án PPP, cần điều chỉnh quy định hiện hành từ căn cứ lập hồ sơ mời thầu thành căn cứ phê duyệt hồ sơ mời thầu.</p>

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
7.b	Sửa đổi khoản 4 Điều 49	<p>“4. Trường hợp dự án PPP hình thành tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật (đối với dự án yêu cầu thiết kế ba bước theo quy định của pháp luật về xây dựng) và dự toán của tiểu dự án (bao gồm cả chi phí hoạt động của cơ quan ký kết hợp đồng trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát thi công, nghiệm thu hoàn thành công trình), làm cơ sở để phê duyệt các nội dung này đồng thời với hồ sơ mời thầu. Thiết kế và dự toán ở bước thiết kế bản vẽ thi công được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 57 Luật PPP.”</p>	<p>Làm rõ chủ thể và thời điểm lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở cùng dự toán ở các bước thiết kế tương ứng theo quy định của Luật PPP (đặc biệt đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công); tránh cách hiểu không thống nhất theo kiến nghị của một số địa phương.</p>
8	Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 50	<p>“a) Việc đánh giá về tài chính - thương mại căn cứ theo phương pháp so sánh, xếp hạng quy định trong hồ sơ mời thầu. Hồ sơ mời thầu phải xác định một trong các tiêu chuẩn về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật PPP để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại. Nhà đầu tư xếp thứ nhất được xem xét đề nghị trúng thầu.</p> <p>Đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, hồ sơ mời thầu không áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.”</p>	<p>Điều chỉnh nội dung từ “một hoặc kết hợp các tiêu chuẩn” thành “một trong các tiêu chuẩn” để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật PPP.</p>

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
9	Bổ sung điểm c1 khoản 4 Điều 64	<i>“c1) Trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư, yêu cầu về khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay được đàm phán trên cơ sở tổng mức đầu tư dự án giai đoạn phân kỳ và cam kết của nhà đầu tư, ngân hàng về khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay cho giai đoạn hoàn thiện.”</i>	Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án có quy mô lớn và phân kỳ đầu tư xây dựng hiện nay đang được bộ ngành, địa phương thực hiện theo hướng chỉ quy định yêu cầu tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu tương ứng với tổng mức đầu tư của giai đoạn đầu (giai đoạn 1) dự án. Để đảm bảo nhà đầu tư và bên cho vay có đủ năng lực về tài chính cũng như trách nhiệm thực hiện toàn bộ dự án, cần có cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu và vốn vay cho cả giai đoạn hoàn thiện dự án.
10	Sửa đổi khoản 4 Điều 76	<i>“4. Trường hợp dự án PPP hình thành tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, việc thanh toán đối với công trình hoàn thành của tiểu dự án thực hiện theo tiến độ, lộ trình tổng thể của dự án PPP theo thỏa thuận giữa cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.”</i>	Quy định hiện hành chỉ cho phép thanh toán tối đa 50% giá trị khối lượng đã hoàn thành đối với tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công trong dự án PPP. Điều này gây khó khăn cho nhà đầu tư trong việc thu xếp vốn để thực hiện toàn bộ dự án PPP. Việc giữ lại và chưa thanh toán 50% giá trị khối lượng hoàn thành sẽ không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đối với các dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công, đặc biệt là tiểu dự án có tổng mức đầu tư lớn. Cần điều chỉnh quy định này nhằm tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư trong việc huy động vốn và thu xếp tài chính của toàn bộ dự án PPP.
11.a	Bổ sung khoản 1a Điều 91	<i>- Phương án 1: “1a. Trường hợp dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản hành chính hoặc thông qua Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch), phê duyệt đề xuất dự án, chấp thuận sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày Nghị định số</i>	Quy định chuyển tiếp về áp dụng ưu đãi, bảo đảm đầu tư đối với các dự án PPP không có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, thực hiện theo quy định của pháp luật về PPP trước khi Nghị định 63/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p><i>63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành mà đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định tại Điều 101 của Luật PPP thì tiếp tục được áp dụng các ưu đãi, bảo đảm theo văn bản chấp thuận, phê duyệt đó.”</i></p> <p>- Phương án 2: <i>“1a. Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản riêng hoặc theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch), phê duyệt đề xuất dự án, chấp thuận sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định tại Điều 101 của Luật PPP thì tiếp tục được áp dụng các ưu đãi, bảo đảm theo văn bản được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch.”</i></p>	
11.b	Bổ sung khoản 19 Điều 91	<p><i>“19. Dự án PPP đã ký kết hợp đồng trước ngày Luật PPP có hiệu lực thi hành cần thực hiện biện pháp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng hợp đồng đã ký kết không có điều khoản quy định cụ thể việc được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì cho phép được thanh lý, chấm dứt hợp đồng trên cơ sở đồng thuận của các bên ký kết hợp đồng và đảm bảo lợi ích của Nhà nước.”</i></p>	<p>Một số dự án cần phải thực hiện biện pháp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng hợp đồng dự án đã ký không có điều khoản quy định cụ thể việc được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, dẫn đến vướng mắc dự án không có cơ sở để chấm dứt hợp đồng.</p>

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
11.c	Bổ sung khoản 20 Điều 91	<p><i>“20. Trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT có sự thay đổi về vị trí, diện tích, giá trị quỹ đất thanh toán dẫn đến thay đổi giá trị khoản nợ ngân sách nhà nước đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư thực hiện đàm phán, ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh giá trị nợ ngân sách nhà nước trên cơ sở đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà nước và nhà đầu tư.”</i></p>	<p>Bổ sung quy định chuyển tiếp để xử lý khó khăn, vướng mắc trong đàm phán, ký kết phụ lục hợp đồng dự án BT trong trường hợp khoản nợ ngân sách nhà nước theo hồ sơ dự thầu thay đổi khi khu đất đối ứng đã thỏa thuận theo hợp đồng BT để thanh toán cho nhà đầu tư có sự thay đổi về diện tích và giá trị (hoán đổi vị trí khu đất dự kiến; cắt giảm diện tích đất theo hợp đồng BT đã ký kết).</p>
12	<p>Sửa đổi khoản 1a Điều 110 Nghị định 15/2021/NĐ-CP (được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 36 Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP)</p>	<p>- Phương án 1: Bãi bỏ.</p> <p>- Phương án 2: “1a. Việc chuyển tiếp thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp dự án BT được chuyển tiếp theo quy định của pháp luật về PPP (dự án BT đã lựa chọn được nhà đầu tư nhưng chưa lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự án BT điều chỉnh) thì thẩm quyền, nội dung và trình tự thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được thực hiện theo quy định đối với <i>dự án đầu tư công.</i>”</p>	<p>Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 101 Luật PPP, việc triển khai thực hiện các dự án BT đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì hành được thực hiện theo pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng, được hiểu bao gồm cả việc điều chỉnh dự án đầu tư, điều chỉnh thiết kế. Vì vậy, đề xuất bỏ quy định liên quan đến nội dung này tại Nghị định 15/2021/NĐ-CP và Nghị định 35/2023/NĐ-CP thông qua sửa đổi, bổ sung quy định chuyển tiếp tại Nghị định 35/2021/NĐ-CP; hoặc điều chỉnh theo hướng thực hiện theo quy định đối với dự án đầu tư công.</p>
13	Bổ sung Mẫu số 04 Phụ lục II	Báo cáo nghiên cứu tiên khả thi dự án áp dụng loại hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M)	Trình tự, thủ tục áp dụng riêng cho hợp đồng O&M chưa được quy định cụ thể tại Luật PPP và Nghị định 35/2021/NĐ-CP, bởi đây là loại hợp đồng mới, chưa từng được áp dụng, thực hiện tại Việt Nam. Với đặc thù là loại dự án không bao gồm việc đầu tư xây
14	Bổ sung Mẫu số 04 Phụ lục III	Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án áp dụng loại hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M)	

TT	Dẫn chiếu	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
			<p>dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã sẵn có, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, văn kiện hợp đồng... của loại hợp đồng này cần được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; đồng thời cũng để rút ngắn thời gian, đơn giản hóa các thủ tục thực hiện công tác chuẩn bị dự án.</p>
15	Sửa đổi Mục II Phụ lục VI - (phần nội dung trước tiêu mục 1)	<p>“Các nội dung dưới đây được sắp xếp, trình bày trong các thành phần của Hợp đồng mẫu dự án PPP căn cứ tính chất, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực và loại hợp đồng của dự án. <i>Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, căn cứ quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II và Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, nội dung của hợp đồng được lựa chọn, sửa đổi, bổ sung các nội dung tương ứng để phù hợp với tính chất của loại hợp đồng O&M.</i>”</p>	<p>Phụ lục VI Nghị định 35/2021/NĐ-CP hiện hành về hướng dẫn lập hợp đồng mẫu dự án PPP đã cơ bản bao gồm các nội dung hợp đồng liên quan đến các loại hợp đồng dự án. Căn cứ các hướng dẫn cụ thể mang tính đặc thù được bổ sung tại Mẫu số 04 Phụ lục II và Mẫu số 04 Phụ lục III, việc lập hợp đồng mẫu dự án O&M được thực hiện thông qua chọn lọc và điều chỉnh các nội dung phù hợp.</p>